

Bản án số: 25/2023/HS-PT

Ngày 06/01/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phong;

Thẩm phán: Ông Lưu Ngọc Cảnh, ông Hoàng Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tường Thị Huyền, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 06/01/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 897/2022/TLPT-HS ngày 08 tháng 11 năm 2022; do có kháng cáo của bị hại Trần Thị N (vừa là bị hại vừa là bị cáo trong vụ án) đối với bản án số 153/2022/HSST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị kháng cáo: Trần Văn B, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện S, Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học phổ thông: 08/12; Con ông Trần Văn Ch (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1941; Gia đình có hai anh em, bị cáo thứ nhất; Vợ: Trần Thị Kh, sinh năm 1976; Bị cáo có 02 con, sinh năm 1999 và sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Bị hại có kháng cáo: Trần Thị N, sinh năm 1962; hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã P, huyện S, Hà Nội (có mặt).

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại: Luật sư Lê Thu Huyền, Văn phòng luật sư Huyền Lê và Cộng sự - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

Bị hại không kháng cáo:

1. Chị Trần Thị Kh, sinh năm 1976; hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã P, huyện S, Hà Nội (vắng mặt).

2. Anh Trần Văn B, sinh năm 1974; hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã P, huyện S, Hà Nội (có mặt).

3. Ông Trần Đức M, sinh năm 1951; hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã P, huyện S, Hà Nội (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị X, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã P, huyện S, Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 ngày 04/12/2021, bà Đỗ Thị H (sinh ngày 22/02/1969, trú tại Thôn H, xã P, huyện S, Hà Nội) đang ở nhà thì nghe thấy tiếng động ngoài vườn nên chạy ra xem thì thấy chị Trần Thị X, chị Trần Thị Kh và Trần Văn B là hàng xóm nhà bà H đang căng dây, đo đạc và đóng cọc trên phần diện tích đất đang có tranh chấp với nhà bà H. Thấy sự việc, bà H can ngăn nhưng không được. Sau đó, bà H gọi cho Trần Thị N là chị gái chồng bà H đến để cùng can ngăn sự việc. Khi N đến, giữa N, B và chị X xảy ra to tiếng cãi chửi nhau. Sau đó, N xách 01 thùng nhựa trắng (loại 20 lít, có nắp che kín) bên trong là nước ủ phân gia súc gia cầm của gia đình bà H dùng để tưới cây, từ khu vực đất đang tranh chấp đặt lên khu vực sân nhà bà H. Lúc này, ông Trần Đức M (anh trai bị cáo N, chú bị cáo B) đứng ngoài đường xem sự việc. Giữa N và B, chị X tiếp tục xảy ra tranh cãi. Sau đó, N dùng 01 gáo nhựa múc 01 gáo nước ủ phân hắt về phía B và chị X. Do chị X đứng trước nên nước ủ phân trúng vào người, mũ đội đầu chị X; trúng vào người, mặt B, ngoài ra nước ủ phân còn trúng vào người, mặt ông M, chị Kh đang đứng ở phía ngoài đường. Chị X chạy sang vị trí N đang đứng thì N tiếp tục múc 01 gáo nước ủ phân hắt về phía B. Khi chị X và N giằng co thì N vẫn tiếp tục múc 01 gáo nước ủ phân hắt trúng người, đầu, lưng chị X. Chị X túm, giữ tóc N và ấn đầu N xuống đất, N túm vào cổ áo chị X, hai bên ở tư thế giằng co qua lại. Lúc này, chị Kh ở phía ngoài đường cũng chạy vào dùng hai tay túm vào vai của N. Còn B chạy từ khu đất tranh chấp sang rồi dùng hai tay cầm thùng nhựa chứa nước ủ phân mà N vừa múc đổ nhiều lần nước ủ phân trong thùng vào đầu, người N. Khi thấy B chạy sang cầm thùng nước phân, chị Kh đã bỏ tay ra khỏi người N và chạy ra ngoài đường, còn chị X và N vẫn tiếp tục giằng co và kéo lê N từ trong sân ra sát cổng nhà bà H khiến chân trái N va chạm với cánh cổng gây thương tích.

Tại kết luận giám định pháp y thương tích số 217/TTPY ngày 25/02/2022 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế Hà Nội xác định thương tích của Trần Thị N như sau: “... Vết biến đổi sắc tố da vùng đùi trái 0,5%; kết quả khám mắt không có các dấu hiệu của tổn thương do chấn thương, cũng không có dấu hiệu của viêm loét giác mạc... nên không đủ căn cứ cho điểm đối với dấu hiệu thị lực mắt trái sáng tối, mắt phải 20/50 là do vụ việc ngày 04/12/2021 gây ra; các chạm thương phần mềm vùng đầu, mắt không còn bầm tím, không ảnh hưởng chức năng không cho điểm tỷ lệ tổn hại sức khỏe; cơ chế hình thành thương tích là do vật tày gây nên. Tỷ lệ tổn hại sức khỏe: 01% (làm tròn).”

Đối với chị Trần Thị X, quá trình điều tra xác định: Thương tích 01% của bị cáo N phát sinh trong quá trình giằng co lôi kéo giữa bị cáo N và chị X. Việc chị X chạy đến túm và giữ tóc bị can N là để ngăn cản việc bị cáo N tiếp tục thực hiện hành vi mức nước ử phân để hắt về phía chị X. Khi B chạy đến cầm thùng nhựa và đổ nước phân lên người, đầu N thì chị X và N vẫn trong tư thế giằng co, giữa chị X và B không có sự bàn bạc, thống nhất, phân công nhiệm vụ. Vì vậy, hành vi của chị X không phạm tội, không là đồng phạm với B.

Đối với chị Trần Thị Kh, quá trình điều tra xác định: Cùng thời điểm bị cáo N xách thùng nhựa chứa nước ử phân lên khu vực sân nhà bà H thì chị Kh cũng xách 01 thùng nhựa chứa nước ử phân khác từ trong nhà ra khu vực hiện trường vụ án. Nhưng chị Kh chưa sử dụng thùng nước ử phân đó. Sau khi bị N hắt nước ử phân vào người, chị Kh có hành vi chạy vào vị trí giằng co giữa chị X và N rồi dùng hai tay giữ và ấn vào vai bị cáo N. Trước khi B cầm thùng nhựa đổ nước ử phân vào người, đầu N thì chị Kh đã bỏ đi ra ngoài đường và cầm 01 thùng nhựa về. Vì vậy, hành vi của chị Kh không cấu thành tội phạm, không đồng phạm với hành vi của B.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, thu giữ 01 USB ghi sự việc do gia đình bị cáo N cung cấp.

Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra và Viện kiểm sát, các bị hại và các bị cáo không yêu cầu bồi thường.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn B đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản ghi lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đối với Trần Thị N, quá trình điều tra chưa ăn năn hối cải về hành vi của mình, không thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 116/CT-VKS ngày 09/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo N về tội “Làm nhục người khác”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 155 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo B về tội “Làm nhục người khác”, quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 153/2022/HSST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện S, Thành phố Hà Nội quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị N và Trần Văn B phạm tội "Làm nhục người khác";

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 155; Điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Trần Thị N 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Thị N về Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 155; Điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Trần Văn B 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Trần Văn B cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình của bị cáo Trần Văn B có trách nhiệm phối hợp với xã P, huyện S, Hà Nội trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo Trần Văn B phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, án phí và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2022 bị hại Trần Thị N kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Văn B.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị hại Trần Thị N giữ nguyên kháng cáo và đề nghị tăng hình phạt, tăng mức bồi thường, đề nghị xem xét có đồng phạm với Trần Thị X và áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Bị hại nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị hại theo trình tự phúc thẩm.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại Trần Thị N trình bày: Bị cáo Trần Văn B là cháu ruột của bị hại Trần Thị N. Hành vi của Trần Thị X giữ Trần Thị N để cho Trần Văn B vi phạm pháp luật nên hành vi đó là đồng phạm. Cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm. Đề nghị huỷ một phần vụ án hình sự, trả hồ sơ điều tra bổ sung đối với Trần Thị X.

Về trách nhiệm dân sự: Án sơ thẩm quyết định chưa phù hợp, tại phiên toà phúc thẩm bị hại Trần Thị N yêu cầu bị cáo Trần Văn B bồi thường số tiền 54.134.946 đồng.

Bị cáo không tham gia tranh luận. Bị hại Trần Thị N nhất trí quan điểm của luật sư và không tham gia tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị hại Trần Thị N đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Căn cứ lời khai của các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phiên toà phúc thẩm cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 08 giờ 00 ngày 04/12/2021, tại Thôn H, xã P, huyện S, Hà Nội; giữa Trần Thị N và Trần Văn B, chị Trần Thị X xảy ra mâu thuẫn dẫn đến hai bên cãi chửi nhau, lúc này ông Trần Đức M, chị Trần Thị Kh đang đứng xem sự

việc ở ngoài đường cạnh nơi cãi chửi nhau. Sau đó, Trần Thị N 03 lần dùng gáo nhựa múc nước ủ phân đựng trong thùng nhựa trắng, loại 20 lít hắt trúng vào vùng người, vùng lưng, vùng đầu, mặt chị X, chị Kh, ông M và bị cáo Trần Văn B. Sau đó, bị cáo Trần Văn B chạy đến cầm thùng nhựa (mà Trần Thị N đang múc nước ủ phân hắt vào mọi người) đổ nhiều lần nước ủ phân trong thùng vào người, đầu, mặt Trần Thị N.

Với hành vi trên, Bản án sơ thẩm đã xử bị cáo Trần Văn B về tội “Làm nhục người khác” quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân, vai trò đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn B 12 tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp. Bị cáo Trần Thị N đồng thời cũng là bị hại trong vụ án kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Văn B là không có cơ sở chấp nhận.

Bị hại Trần Thị N và luật sư bảo vệ quyền lợi cho Trần Thị N cho rằng vụ án có đồng phạm là Trần Thị X nhưng không được cấp sơ thẩm xử lý là bỏ lọt tội phạm, đề nghị huỷ một phần bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy án sơ thẩm đã xác định hành vi của chị Trần Thị X là giữ tay bị hại N không cho hắt nước phân chứ không có căn cứ nào khẳng định chị Trần Thị X biết việc bị cáo Trần Văn B đổ thùng nước phân vào Trần Thị N. Nên cấp sơ thẩm không xem xét xử lý là phù hợp.

Trần Thị N và luật sư bảo vệ quyền lợi cho Trần Thị N cho rằng mức bồi thường mà án sơ thẩm quyết định là thấp và yêu cầu cấp phúc thẩm tăng mức bồi thường, yêu cầu bị cáo Trần Văn B bồi thường số tiền là 54.134.946 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy mức bồi thường mà án sơ thẩm đã nhận định và quyết định buộc bị cáo Trần Văn B bồi thường cho Trần Thị N số tiền là 1.490.000 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Trần Thị N.

Bị cáo và bị hại Trần Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Áp dụng Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

I. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Thị N.

II. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 153/2022/HSST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện S, Thành phố Hà Nội.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội “Làm nhục người khác”.

Áp dụng khoản 1 Điều 155; Điều 36; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

Trần Văn B 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Trần Văn B cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình của bị cáo Trần Văn B có trách nhiệm phối hợp với xã P, huyện S, Hà Nội trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo Trần Văn B phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Bị cáo Trần Văn B phải bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm hại cho Trần Thị N số tiền là 1.490.000đ.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Không chấp nhận các yêu cầu bồi thường thiệt hại khác của Trần Thị N.

Bị cáo Trần Văn B và bị hại Trần Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

III. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS TP Hà Nội;
- Tòa án và VKS huyện S, HN;
- Chi cục THA huyện S;
- Công an huyện S;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Phong